

Bản án số: 79 /2020/HNGĐ - ST
Ngày: 29 /12 /2020.
V/v: *Chị H xin ly hôn anh
Thương.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NGUYỄN TIẾN HÙNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN;

- Ông LÊ HUY TRỌNG.

- Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ MINH LÝ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO, Tp. HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM, kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 245 /2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXX - ST ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **NTH**, sinh năm 1981

ĐKNKTT: Thôn TL, xã TU, huyện TO, Tp.HN.

Nơi ở: Thôn ÁP, xã CD, huyện TO, Tp.HN.

Bị đơn: Anh **NBT**, sinh năm 1975

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn TL, xã TU, huyện TO, Tp.HN.

Tại phiên tòa chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh T quen nhau do hai gia đình giới thiệu, sau đó thì tìm hiểu nhau được khoảng hai tháng thì tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã TU ngày 12/3/2002 đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau ngày cưới chị về nhà anh chung sống được một thời gian dài và có hai con chung, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn vì lý do anh thường xuyên uống rượu, chửi mắng vợ con và không quan tâm đến vợ con, hai bên gia đình cũng đã khuyên giải rất nhiều nhưng anh vẫn không thay đổi, từ năm 2017 đến nay chị về nhà mẹ đẻ ở và từ đó vợ chồng sống

ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa, chị xét thấy không còn tình nghĩa vợ chồng với anh Thương nữa chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là NTH, sinh ngày 18/9/2003, NBT, sinh ngày 14/6/2006 hiện hai con đang do anh NBT chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn chị có quan điểm nhận nuôi con chung và yêu cầu anh trợ cấp nuôi con chung, còn nếu các con chung có quan điểm ở với anh T.chị cũng đồng ý và tự nguyện trợ cấp nuôi hai con chung cho anh là 3.000.000đồng/01 tháng/02 con, tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: Chị khai nhận không có.

Sau khi thụ lý vụ án, toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh NBT không đến toà án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, qua xác minh tại cơ sở thôn TL, xã TU cho biết, việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh NBT như thông báo thụ lý vụ án vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, trong những lần tổng đạt các văn bản nêu trên anh đã nhận nhưng không cung cấp lời khai cũng như quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án vì vậy toà án cần căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ việc là phù hợp.

Về con chung, tài sản chung, công nợ Cần căn cứ vào lời khai của nguyên đơn làm cơ sở để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Ngày 22/12/2020 Tòa án nhân dân huyện TO đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định, tuy nhiên anh NBT vắng mặt nên phiên tòa pH hoãn. Sau khi tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo luật định, tòa án mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh NBT tiếp tục vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt anh Thương là đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị NTH và anh NBT đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân UBND xã TU, huyện TO, Tp. HN ngày 12/3/2002 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ được nhà nước thừa nhận, nay có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 để giải quyết.

- *Về mâu thuẫn của vợ chồng Hội đồng xét xử nhận định*: Căn cứ lời khai của chị NTH cho thấy, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai chung, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân khác nhau, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly, không ai

còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết anh NBT biết việc tòa án đang tiến hành tố tụng, tuy nhiên vẫn cố tình không khai báo, trình bày quan điểm, chứng tỏ việc xin đoàn tụ của vợ chồng là không có. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm ly hôn, xét mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn xử cho chị được ly hôn anh Thương là phù hợp.

- *Về con chung*: Theo khai nhận của chị NTH trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung là NTH, sinh ngày 18/9/2003, NBG, sinh ngày 14/6/2006 hiện đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, căn cứ vào lời khai của cháu H, cháu G có nguyện vọng được ở với anh T, xét thấy hai cháu đã trên 07 tuổi và có quan điểm xin được ở với anh T, xét yêu cầu này là phù hợp cần chấp nhận, tiếp tục giao cháu H, cháu G cho anh NBT chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTH tự nguyện trợ cấp nuôi con chung cho anh NBT là 3.000.000đồng/01 tháng/02 con, tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành, xét thấy là tự nguyện, đúng pháp luật cần ghi nhận.

- *Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác*: Chị NTH trình bày không có nên không xem xét trong bản án này

Đại diện VKSND huyện TO, tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TO (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015: Chấp nhận yêu cầu của chị NTH xử cho chị được ly hôn anh NBT.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu là NT H, sinh ngày 18/9/2003, NBG, sinh ngày 14/6/2006 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện trợ cấp 3.000.000đồng/01 tháng/02 con, tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều: 51, 53, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 271,272,273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Xử: Chị NTH được ly hôn và anh NBT.

- Về con chung: Giao con chung NTH, sinh ngày 18/9/2003 và NBG, sinh ngày 14/6/2006 cho anh NBT tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện trợ cấp nuôi con chung cho anh NBT là 3.000.000đồng(ba triệu)/01 tháng/02 con, tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và công nợ và các yêu cầu khác: Không xem xét trong bản này.

- Về án phí: Chị H phải chịu: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02289 ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO và 300.000(*ba trăm nghìn*) đồng án phí ghi nhận trợ cấp nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/12/2020. Anh NBT có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND Tp.HN;
- VKSND Huyện TO;
- Các đương sự;
- UBND xã TU;
- UBND xã CD;
- Lưu Hồ Sơ .

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN TIẾN HÙNG